

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST
Ngày 20- 8 - 2025
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm
2. Ông Hoàng Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nam, nữ chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thúy V, sinh năm 1971.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn N, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, xã T, tỉnh Cao Bằng.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thúy V trình bày: Bà và ông Hà Văn N kết hôn vào ngày 26/12/1996 theo phong tục địa phương, kết hôn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn vì sau khi chung sống thì vợ chồng hay cãi vã, không có tiếng nói chung nên không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung và ông N hay đánh đập bà, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Hà Văn N.

- Về con chung: Giữa hai vợ chồng có hai con chung là Hà Thế A, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Hà Đình V1, sinh ngày 18/10/2007. Cháu Hà Thế A đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Hà Đình V2, bà V sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu ông Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn Hà Văn N trình bày: đồng ý với lời trình bày của bà V về thời gian kết hôn, con chung. Chúng tôi không đăng ký kết hôn do không tìm hiểu quy định pháp luật. Quá trình chung sống không có sự việc đánh đập như chị V trình bày, do không có tiếng nói chung nên chúng tôi thường xảy ra mâu thuẫn. Nay bà V yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tôi nhất trí.

Về con chung: Có 2 con chung, cháu Hà Thế A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu thứ hai là Hà Đình V2 hiện đang đi học, sau khi không chung sống cùng nhau thì bà V sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phiên hòa giải về con chung, hai vợ chồng thống nhất giao con chung là cháu Hà Đình V2, sinh ngày 18/10/2007 cho bà Lê Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hà Văn N.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 271, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 và các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N giao cháu Hà Đình V2, sinh ngày 18/10/2007 cho bà Lê Thúy V trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hà Văn N. Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thúy V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bà Vân, ông N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Bị đơn Hà Văn N có đăng ký thường trú và chỗ ở tại Tổ dân phố C, xã T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng là có căn cứ.

[2] Về Tố tụng

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về lý lịch đương sự:

Theo Giấy khai sinh bản sao số 37 về việc khai sinh cho cháu Hà Thê A, họ tên mẹ là Lê Thị V3, sinh năm 1971, họ tên bố là Hà Văn Ủ, sinh năm 1963. Tuy nhiên trong thẻ căn cước công dân đương sự nộp cho Tòa án là Lê Thúy V, sinh năm 1971 và chồng là Hà Văn N, sinh năm 1963. Vấn đề này Ủy ban nhân dân xã T xác nhận Hà Văn Ủ, sinh năm 1963 trong Giấy khai sinh bản sao số 37 sao từ sổ đăng ký khai sinh số 02/GKS-BS và Hà Văn N, sinh năm 1963 trong thẻ căn cước công dân là cùng một người. Lê Thị V3 trong Giấy khai sinh bản sao số 37 sao từ sổ đăng ký khai sinh số 02/GKS-BS và Lê Thúy V trong thẻ căn cước công dân là cùng một người.

[4] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Lê Thúy V khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hà Văn N nhưng không đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con chung. Vì vậy, đây là quan hệ tranh chấp về nuôi con, nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N kết hôn năm 1996 theo phong tục địa phương. Các bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà V, ông N sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Mặt khác, theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Như vậy, việc kết hôn giữa bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[6] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N có 02 con chung là Hà Thế A, sinh ngày 22/12/1997 và cháu Hà Đình V2, sinh ngày 18/10/2007. Cháu Hà Thế A đã trưởng thành nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét. Đối với cháu Hà Đình V2, bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N thống nhất thỏa thuận bà V sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V2 đủ tuổi trưởng thành và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông N. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái đạo đức, pháp luật và cháu Hà Đình V2 cũng có ý kiến muốn được sinh sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn bà Lê Thúy V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung quỹ nhà nước

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Các Điều 9,14, 15, Điều 58, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thúy V và ông Hà Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của nguyên đơn Lê Thúy V và bị đơn Hà Văn N về việc giao con chung là Hà Đình V2, sinh ngày 18/10/2007 cho bà Lê Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hà Văn N.

Ông Hà Văn N có quyền thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thúy V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Xác nhận bà V đã nộp đủ theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000813 ngày 11/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Cao Bằng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Khu vực 3;
- Thi hành án dân sự Cao Bằng;
- UBND xã Trà Lĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Hoài

